– Tiết PPCT : 21 **Ngày soạn: 5/11/2026**

BÀI 10: THỰC HÀNH: ĐỌC BẢN ĐỒ CÁC ĐỚI VÀ CÁC KIỂU KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT, PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ MỘT SỐ KIỂU KHÍ HẬU

(Thời lượng 1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlat, bản đồ…

*** Năng lực chuyên biệt**:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

> Sử dụng được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất để phân tích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.

> Xác định và lí giải được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí:

> Biết đọc và sử dụng bản đồ.

> Biết thực hiện được một số tính toán đơn giản: nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt, lượng mưa, cân bằng ẩm…

> Nhận xét và giải thích biểu đồ về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm.

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.

3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Hình thành tình yêu thiên nhiên.

- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về môi trường sống của các khu vực, quốc gia, dân tộc.

- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực* trong thực hiện nhiệm vụ bài thực hành.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: TV.

2. Học liệu: SGK, phiếu học tập, Bản đồ các đới và kiểu khí hậu trên Trái Đất, Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của một số trạm khí tượng trên thế giới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp:

2. Kiểm tra bài cũ:

* Câu hỏi: Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa.

3. Hoạt động học tập:

HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

a) Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

b) Nội dung: HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, tìm hiểu và trình bày yêu cầu của bài thực hành.
c) Sản phẩm: HS nêu đúng yêu cầu của bài thực hành (Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu).
d) Tổ chức thực hiện: Gv thực hiện phương pháp vấn đáp.
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành.
- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.
- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất

a) Mục tiêu: Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.
b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK, làm việc theo cặp để đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.
c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Đọc bản đồ các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất

- Phạm vi, tên và sự phân hóa thành các kiểu khí hậu ở các đới khí hậu: Mỗi bán cầu có 7 đới khí hậu. Ở một số đới khí hậu lại có sự phân hóa thành một số kiểu khí hậu.

Đới khí hậu	Giới hạn vĩ độ	Kiểu khí hậu
Cực	80 - 90^o	
Cận cực	66 - 80^o	
Ôn đới	40 - 66^o	- Ôn đới lục địa. - Ôn đới gió mùa. - Ôn đới hải dương.
Cận nhiệt	23^{o}27’- 40^o	- Cận nhiệt lục địa. - Cận nhiệt hải dương. - Cận nhiệt địa trung hải.
Nhiệt đới	10 - 23^{o}27’	- Nhiệt đới lục địa. - Nhiệt đới gió mùa.
Cận Xích đạo	5 - 10^o	
Xích đạo	0 - 5^o	

+ Sự phân hoá các kiểu khí hậu ở đới khí hậu nhiệt đới chủ yếu phân hóa theo vĩ độ.
+ Sự phân hoá các kiểu khí hậu ở đới khí hậu ôn đới chủ yếu phân hóa theo kinh độ.
- Việt Nam nằm trong đới khí hậu: nhiệt đới (kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa).

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật dạy học chia sẻ cặp đôi.
- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để hoàn thành phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. Đọc bản đồ các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất

- Phạm vi, tên và sự phân hóa thành các kiểu khí hậu ở các đới khí hậu:

Đới khí hậu	Giới hạn vĩ độ	Kiểu khí hậu

- Việt Nam nằm trong đới khí hậu:

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu

a) Mục tiêu: Phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK, làm việc theo nhóm để phân tích biểu đồ khí hậu.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

SẢN PHẨM DỰ KIẾN				
Đặc điểm \ **Kiểu khí hậu**		**Nhiệt đới gió mùa**	**Ôn đới lục địa**	**Ôn đới hải dương**
Nhiệt độ (^{0}C)	Nhiệt độ tháng cao nhất	30^0C	19^0C	16^0C
	Nhiệt độ tháng thấp nhất	17^0C	-14^0C	7^0C
	Biên độ nhiệt năm	13^0C	33^0C	9
Lượng mưa	Tổng lượng mưa (mm)	1694	584	1416
	Tháng mưa > 100 mm	$5 \rightarrow 10$	không	$1 \rightarrow 3$ và $8 \rightarrow 12$
	Tháng mưa <100 mm	$11 \rightarrow 4$	$1 \rightarrow 12$	$4 \rightarrow 7$
	Chênh lệch mưa	Nhiều	Rất ít	Ít

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật làm việc nhóm.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2				
Đặc điểm \ **Kiểu khí hậu**		**Nhiệt đới gió mùa**	**Ôn đới lục địa**	**Ôn đới hải dương**
Nhiệt độ (^{0}C)	Nhiệt độ tháng cao nhất			
	Nhiệt độ tháng thấp nhất			
	Biên độ nhiệt năm			
Lượng mưa	Tổng lượng mưa (mm)			
	Tháng mưa > 100 mm			
	Tháng mưa <100 mm			
	Chênh lệch mưa			

* Nhóm 1, 4: Tìm hiểu kiểu khí hậu nhiệt đới gió mùa.

* Nhóm 2, 5: Tìm hiểu kiểu khí hậu ôn đới lục địa.

* Nhóm 3, 6: Tìm hiểu kiểu khí hậu ôn đới hải dương.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 7 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kĩ năng trong bài học.

b) Nội dung: HS quan sát TV, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

Câu 1. Khu vực xích đạo có lượng mưa

A. ít nhất. **B.** nhiều nhất. **C.** trung bình. **D.** khá nhiều.

Câu 2. Ý nào sau đây **không** đúng với sự phân bố nhiệt độ không khí theo lục địa và đại dương?

A. Lục địa có nhiệt độ trung bình năm cao nhất.

B. Lục địa có nhiệt độ trung bình năm thấp nhất.

C. Biên độ nhiệt độ năm ở lục địa nhỏ.

D. Biên độ nhiệt độ năm ở đại dương nhỏ.

Câu 3. Đại dương có biên độ nhiệt độ nhỏ hơn lục địa vì

A. Đất hấp thụ nhiệt và tỏa nhiệt nhanh hơn nước.

B. Nhiệt độ trung bình của lục địa lớn hơn đại dương.

C. Đại dương là nơi chứa nước nên mát mẻ hơn lục địa.

D. Bề mặt lục địa trồi lên nhận nhiều nhiệt hơn đại dương.

Câu 4. Vào mùa Thu - Đông ở dãy Trường Sơn nước ta, sườn có mưa nhiều là

A. Trường Sơn Đông. **B.** Trường Sơn Tây. **C.** cả hai sườn. **D.** không có sườn nào.

Câu 5. Nhiệt độ trung bình năm ở vĩ độ 20^o lớn hơn ở xích đạo là do

A. tầng khí quyển ở vĩ độ 20^o mỏng hơn.

B. bề mặt Trái Đất ở vĩ độ 20^o ít đại dương.

C. không khí ở vĩ độ 20^o trong, ít khí bụi hơn.

D. góc chiếu của tia bức xạ mặt trời ở vĩ độ 20^o lớn hơn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS (đáp án là ý gạch chân).

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện kĩ thuật dạy học tia chớp.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức, trả lời câu hỏi.

* Câu hỏi: Việt Nam nằm ở đới khí hậu nhiệt đới nhưng tại sao Sa Pa, Đà Lạt quanh năm mát mẻ?

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

Sa Pa, Đà Lạt quanh năm mát mẻ vì:

- Sa Pa nằm ở độ cao khoảng 1.500 – 1.800 m so với mực nước biển.
- Đà Lạt nằm ở độ cao khoảng 1.500 m so với mực nước biển.

Theo quy luật đai cao, cứ lên cao 100 m thì nhiệt độ giảm trung bình khoảng 0,6°C. Vì vậy, ở những nơi có độ cao lớn như Sa Pa và Đà Lạt, nhiệt độ thấp hơn nhiều so với các vùng đồng bằng nhiệt đới.

d) Tổ chức thực hiện: GV thực hiện phương pháp nêu vấn đề.

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ và tìm đáp án.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

4. Hướng dẫn về nhà:

- Hoàn thành bài thực hành.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 11. Thủy quyển, nước trên lục địa.